Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 ***(Người học)***

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	**SAU ĐẠI HỌC**		
1	**Tiến sĩ**		**47**
1.1	***Lĩnh vực Sức khỏe***	***972***	***47***
1.1.1	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	9720202	15
1.1.2	Hóa dược	9720203	8
1.1.3	Dược lý và dược lâm sàng	9720205	7
1.1.4	Dược liệu - Dược học cổ truyền	9720206	7
1.1.5	Hóa sinh dược	9720208	2
1.1.6	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	9720210	5
1.1.7	Tổ chức quản lý dược	9720212	3
2	**Thạc sĩ**		**145**
2.1	***Lĩnh vực Sức khỏe***	***872***	***145***
2.1.1	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	8720202	9
2.1.2	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	84
2.1.3	Dược liệu - Dược học cổ truyền	8720206	11
2.1.4	Hóa sinh dược	8720208	2
2.1.5	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	8720210	12
2.1.6	Tổ chức quản lý dược	8720212	27
B	**ĐẠI HỌC**		
3	**Đại học chính quy**		
3.1	**Chính quy**		
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**		**0**
3.1.2	**Các ngành đào tạo** (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		**3645**
3.1.2.1	***Lĩnh vực Khoa học sự sống***	***742***	***0***
3.1.2.1.1	Công nghệ sinh học	7420201	0
3.1.2.2	***Lĩnh vực Khoa học tự nhiên***	***744***	***0***
3.1.2.2.1	Hoá học	7440112	0
3.1.2.3	***Lĩnh vực Sức khỏe***	***772***	***3645***
3.1.2.3.1	Dược học	7720201	3525
3.1.2.3.2	Hóa dược	7720203	120

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 14 431 m^2

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		tan, Máy đo độ mài mòn viên, Máy đo độ trơn chảy, Máy đo dung tích biểu kiến, Máy đo hấp thụ chất rắn, Máy đo micro pH, Máy đo PH, Máy đo và đếm kích thước tiểu phân, Máy bào chế, Máy bao bột khô, Máy cất nước 2 lần, Máy cất quay chân không, Máy chuẩn độ Karl Fischer, Máy dập viên , Máy khử ẩm, Máy khuấy cơ , Máy khuấy từ gia nhiệt , Máy lắc siêu âm, Máy lắc xoáy, Máy lọc nước siêu sạch, Máy ly tâm, Máy nén khí, Máy nghiền siêu mịn, Máy nhào trộn, Máy phân tích cỡ hạt, Máy phun sấy, Máy quang phổ tử ngoại khả biến UV-VIS, Máy quang phổ UV-VIS, Máy soi thuốc tiêm, Máy tạo nang mềm ép khuôn, Máy thử độ giải phóng thuốc đạn, Máy xác định độ rã thuốc viên, Máy xay , Nồi cách thủy, Nồi hấp SA, Phụ kiện cho máy sấy phun, Pipet tự động 1000-5000ml, Thiết bị đánh giá giải phóng dược chất thuốc đạn, Thiết bị đồng nhất hóa, Thiết bị đo độ nhớt, Thiết bị đo độ thấm của dược chất qua da, Thiết bị lọc tuyến tính, Thiết bị phun bao phim, Thiết bị tầng sôi mini, Tủ lạnh bảo quản mẫu, Tủ pha chế vô khuẩn, Tủ sấy chân không, Tủ sấy, Tủ vi khí hậu, Thiết bị nghiên cứu da , Máy đóng ống thuốc tiêm
2	CND	Bơm chân không , Bơm chân không tuần hoàn nước HERLAB, Bơm nhu động , Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ chiết dược liệu nóng bình, Bộ phân tích bằng sắc ký lớp mỏng Leybold, Bộ phản ứng có áo nhiệt, Bộ thùng pha chế, Bể điều nhiệt , Bể rửa siêu âm , Bếp bảo ôn đun bình cầu , Buồng cấy vi sinh class II, Cân kỹ thuật , Cân phân tích điện tử, Cân xác định hàm ẩm MB25 Ohaus, Hệ thống điện phân, Hệ thống bình phản ứng chịu áp lực, Hệ thống bình thuỷ tinh, Hệ thống cất quay chân không 20l, Hệ thống chiết siêu tới hạn và tạo hạt Separex, Hệ thống chụp ảnh và phân tich dữ liệu, Hệ thống hút mẫu tự động , HT tích hợp máy trộn,xát hạt,sửa hạt CS nhỏ, Khúc xạ kế AR-4, Lò nung Stuart Sei, Ly tâm ống để bàn Rotofix 32 Hettich, Mách tách chiết dược liệu, Máy đông khô phòng thí nghiệm, Máy đóng nang thủ công, Máy đùn cốm và tạo hạt cầu, Máy đo độ đục dung dịch, Máy đo độ chảy Metler Toledo FP 62, Máy đo độ cứng viên nén PTB 511E, Máy đo độ hoà tan thuốc viên, Máy đo độ rã viên nén ZT41 Erweka, Máy đo điểm nóng chảy, Máy đo PH để bàn, Máy đo vòng vô khuẩn IUL, Máy cất nước 1 lần Favorit, WCS/8L, Máy cất quay chân không, Máy chiết siêu âm Sonics, VC 505, Máy dập viên , Máy gia nhiệt cho phản ứng, Máy

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		thống máy sắc ký khí khối phổ GCMS, 7890A (490-502ADBNS), Kính hiển vi, Kính hiển vi soi nổi StereoBlue (SB.1902), Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica, Lò nung thí nghiệm L3 Nabothermal, Máy chiết siêu âm Sonics, VC-505, Máy ly tâm PLC, Máy quang phổ UV-VIS, Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tủ bảo quản mẫu MPR-406, Tủ sấy, Kính hiển vi 2 mắt , Phân cực kế , Khúc xạ kế abbe
5	Dược lực	Điện di trên gel mini- Protean 3, Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700(520-526NSADBTW), Bơm tiêm thẩm tích CMA 402 (520-526 ADBNS), Bàn chống rung cho cân phân tích điện tử 0,00001, Bộ đo giảm đau trên bàn chân chuột, Bộ chuyển đổi co thắt phế quản 7020 Panlab letica, Bộ khuyếch đại tín hiệu kiểu lực co cơ (520-526NSADBTW), Bể điều nhiệt , Bể rửa siêu âm khoảng 6 lít Daihan WUC-A06H, Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8, Buồng nuôi cơ quan cô lập Ugo Basile 4000, Cân kỹ thuật , Cân phân tích , Hốt nuôi cấy vô trùng và phụ kiện BIO AIR, Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen và phụ kiện UVP, Hệ thống Elisa, Hệ thống máy Real-time PCR, Hệ thống PCR Eppendorf, Kính hiển vi 2 mắt YS 100 Nikon, Kính hiển vi soi nổi StereoBlue (SB.1902), Kính hiển vi soi ngược CKX 41-Olympus, Máy (lồng) ghi chuyển hóa (520-526NSADBTW), Máy (lồng) ghi phản xạ có điều kiện (520-526NSADBTW), Máy điện di , Máy đo độ phù chân chuột LE 7500 Panlab, Máy đo HA gián tiếp LE5002 Ugobasil, Máy đo hoạt tính vận động (520-526NSADBTW), Máy đo lưu lượng tuần hoàn máu não động vật TransonicT402-PB, Máy đo PH để bàn, Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt, Máy đo sinh hóa máu Teco, TC3300 Plus, Máy cố định động vật & theo dõi TD dược lý (520-526 ADBNS), Máy cất nước 2 lần Hamilton, Máy ghi 1 kênh Ugo Basile, Máy hút chân không (520-526NSADBTW), Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy kích thích điện , Máy lắc ngang Multi Bio 3D, Máy ly tâm , Máy ủ có lắc TSC Biometra GmbH (520-526NSADBTW), Máy ủ ấm dùng cho HA chuột LP 5610, Máy nghiền đồng thể bằng lưỡi cắt DLAB D160, Máy phá mẫu bằng siêu âm UP50H, Máy phân tích đông máu Urit -610, Máy phân tích huyết học của động vật 20 thông số Urit-3000, Micropipet 8 kênh , Nồi hấp tiệt trùng và phụ kiện ALP, Quang phổ UV-1240 Shimadzu, Thiết bị ghi điện 1 kênh, Tủ ấm điều nhiệt và phụ kiện (b.gồm máy nghiền đồng thể), Tủ ấm nuôi tế

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		526NSADBTW, Máy quang phổ UV-VIS OPTIMA SP3000 Nano, Nồi hấp tiệt trùng ALP, KT3045 (A), Pipet máy Nichiryo -Pipet mate Neo, Tủ ẩm, Tủ lạnh âm sâu 80 độ MR-HV-80-200, Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore) 520-526NSADBTW, Tủ sấy để bàn, Máy quang phổ UV - VIS , Máy ly tâm thường , Bể điều nhiệt , Tủ lạnh âm sâu ≤ -80 °C , Máy lắc ủ nhiệt khô , Máy đồng hóa siêu âm , Tủ lạnh âm sâu -40 °C , Máy ly tâm lạnh siêu tốc
8	Hữu cơ	Đèn UV soi sắc ký Prolabo 3 bước sóng, Bơm chân không, Bơm hút và đẩy DOA 604P, Bộ đèn UV soi sắc ký CN6 Vilber Lourmat, Bộ điều khiển CK cho máy cất quay CK V800 Butchi, Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh, Bể siêu âm, Kính hiển vi 2 mắt , Máy đo nhiệt độ nóng chảy, Máy cất quay chân không, Máy khuấy từ gia nhiệt , Máy lắc siêu âm WUC-A22, Thiết bị phản ứng sử dụng kỹ thuật vi sóng Sineo Uwave 1000, Tủ đá Gelin Electric, Tủ đựng hóa chất có bộ phận lọc khí Erlab, Tủ hood , Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21, Tủ sấy
9	Phân tích	Đèn Cathode rỗng + dd chuẩn 4 loại, Bơm mẫu tự động cho AAS ASC -6100 Nhật, Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ chiết pha rắn SPE-24, Bộ hydrat hóa HVG- 1 Shimadzu, Bộ lọc mẫu phân tích Isolab (490-502ABDNS), Cân kỹ thuật điện tử , Cân phân tích , Hệ thống điện di mao quản 3D CE Agilent technologies, Hệ thống lọc khí phòng máy (520-526NSADBTW), Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI(520-526NSADBTW), Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AA-6800, Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao , HT máy quang phổ phát xạ (m.tính, máy in) (520-526 ADBNS), Lò nung , Máy điện di mao quản, Máy đo độ rã của thuốc Labindia, DT1000+, Máy đo lưu biến (520-526NSADBTW), Máy đo PH để bàn, Máy đo quang kết nối máy tính Shimadzu UV 1800, Máy cô mẫu bằng N2 Hanon HN200, Máy cất nước hai lần Hamilton WSC/4D, Máy chuẩn độ điện thế Metrohm, 888 Titrando, Máy cực phổ 797VA, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lọc nước siêu sạch Elga Purelab Classic UV, Máy ly tâm , Máy nén khí MDR-211, Máy phân tích nhiệt TGA Metler Toledo TGA/DSC 1, Máy quang phổ, Máy thử độ hòa tan Erweka DT626, Pipet tự động 1000-5000ml, Tủ hood LFS_Hood 1200, Tủ lạnh âm -86 độ C(500l)MDF-594-PB Panasonic 520-526NSADBTW, Tủ sấy để bàn, Cân phân tích 10-4g , Bể điều nhiệt , Cân phân tích bán vi

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		nối camera, Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht, Máy đồng nhất hóa áp suất cao (520-526NSADBTW), Máy đo áp suất thẩm thấu, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo độ nhớt, Máy đo hằng số điện môi (520-526NSADBTW), Máy đo nhiệt độ nóng chảy, Máy đo PH , Máy đo quang phổ UV-VIS, Máy đo quang photometer, Máy đo sức căng bề mặt KRUSS, Easydyne K20, Máy cất quay chân không và phụ kiện HEI-VAP Value HB/G1, Máy chuẩn độ điện thế, Máy khuấy cơ Velp, Máy lắc có điều nhiệt
13	Vô cơ	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bể siêu âm để rửa dụng cụ LC60/H Elma, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Kính hiển vi, Lò nung, Máy đo PH, Máy bơm hút chân không, Máy bơm hút chân không vòng dầu, Máy cất quay chân không, Máy khuấy từ có gia nhiệt, Máy ly tâm, Máy quang phổ UV-VIS, Tủ sấy chân không, Tủ sấy
14	YHCS	Kính hiển vi, Mô hình người, Tủ sấy để bàn WOF- 105 Daihan, Cân phân tích Saturius, Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8, Máy ly tâm thường Hettich, EBA20, Máy Kimograph PANLAB, Chuồng Mê lộ, Máy phân tích huyết học TECO, Máy Kimograph Panlab, Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus, Máy phân tích xét nghiệm nước tiểu TECO, TC101, Buồng cấy cho PCR

2.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo…sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Tổng tài liệu trong Thư viện *(giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo…sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)*: 33.393 tài liệu

Trong đó Tài liệu học tập/tài liệu tham khảo cho chương trình chi tiết môn học/học phần theo Lĩnh vực đào tạo/ Nhóm ngành như sau:

STT	Lĩnh vực đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Lĩnh vực Khoa học sự sống/ Nhóm ngành Sinh học ứng dụng	372
2	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên/ Nhóm ngành Khoa học vật chất	351
3	Lĩnh vực Sức khỏe/ Nhóm ngành Dược học	1026

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
1	Bùi Đình Sơn		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
2	Bùi Hồng Cường	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
40	Lê Đình Quang		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
41	Lê Ngọc Khánh		Thạc sĩ	Sinh học phân tử	Công nghệ sinh học
42	Lê Thanh Bình		Tiến sĩ	Khoa học y sinh và dược học	Dược học
43	Lê Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Triết học	Dược học
44	Lê Thị Thảo		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Dược học
45	Lê Thị Thu Hòa		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
46	Lê Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Y học	Dược học
47	Lê Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
48	Lê Thu Thủy		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
49	Lê Tố Hương		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Dược học
50	Lương Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ	Hoá Dược	Dược học
51	Lý Công Thành		Thạc sĩ	Vật lý học	Dược học
52	Mai Văn Hiên		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
53	Mai Xuân Bách		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
54	Nghiêm Đức Trọng		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
55	Ngô Minh Thúy		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
56	Ngô Xuân Hoàng		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
57	Nguyễn Anh Vũ		Thạc sĩ	Vật lý học	Dược học
58	Nguyễn Cảnh Hưng		Thạc sĩ	Công nghệ dược phẩm- Sinh dược học	Dược học
59	Nguyễn Công Trường		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
60	Nguyễn Đăng Hoà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
61	Nguyễn Đình Luyện	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
62	Nguyễn Đức Thiện		Tiến sĩ	Vật lý kỹ thuật	Dược học
63	Nguyễn Hải Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
64	Nguyễn Hoàng Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
65	Nguyễn Hoàng Long		Thạc sĩ	Y học	Dược học
66	Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
67	Nguyễn Hữu Duy		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
68	Nguyễn Khắc Tiệp		Tiến sĩ	Khoa học y sinh và dược học	Công nghệ sinh học
69	Nguyễn Lâm Hồng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
70	Nguyễn Liên Hương		Thạc sĩ	Y học	Dược học
71	Nguyễn Mai Hương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
72	Nguyễn Mạnh Tuyển	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
73	Nguyễn Ngân Hà		Thạc sĩ	Triết học	Dược học
74	Nguyễn Ngọc Chiến	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
75	Nguyễn Nữ Hải Yến		Thạc sĩ	Y học	Dược học
76	Nguyễn Phương Chi		Thạc sĩ	Khoa học Y Sinh	Dược học
77	Nguyễn Phương Nhung		Thạc sĩ	Công nghệ Sinh học- Dược học	Công nghệ sinh học

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
117	Nguyễn Xuân Bắc		Tiến sĩ	Dược học	Công nghệ sinh học
118	Phạm Bảo Tùng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
119	Phạm Đình Thắng		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Dược học
120	Phạm Đức Vịnh		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
121	Phạm Hà Thanh Tùng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
122	Phạm Lê Minh		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
123	Phạm Nữ Hạnh Vân		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
124	Phạm Thái Hà Văn		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
125	Phạm Thế Hải		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
126	Phạm Thị Hồng Cẩm		Thạc sĩ	Toán giải tích	Dược học
127	Phạm Thị Linh Giang		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
128	Phạm Thị Minh Huệ	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
129	Phạm Thị Thanh Hà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
130	Phạm Thị Thuý Vân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
131	Phạm Tuấn Anh		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
132	Phan Thị Phương Dung	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
133	Phan Thị Tố Như		Thạc sĩ	Y học	Dược học
134	Phan Thu Hằng		Thạc sĩ	Y học	Dược học
135	Phùng Thanh Hương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Công nghệ sinh học
136	Quách Thị Sen		Tiến sĩ	Toán học	Dược học
137	Tạ Thu Lan		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
138	Thái Nguyễn Hùng Thu	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
139	Thân Thị Kiều My		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
140	Tống Thị Thanh Vượng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
141	Trần Đình Nghĩa		Thạc sĩ	Hoá học	Hoá học
142	Trần Hồng Linh		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
143	Trần Ngọc Bảo		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
144	Trần Nguyên Hà		Tiến sĩ	Khoa học môi trường	Hoá học
145	Trần Phương Thảo	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
146	Trần Quang Long		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Dược học
147	Trần Quang Tuyến		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Dược học
148	Trần Thị Giang Thanh		Thạc sĩ	Kinh tế	Dược học
149	Trần Thị Hải Yến		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
150	Trần Thị Huyền		Thạc sĩ	Vật lý học	Dược học
151	Trần Thị Lan Anh		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
152	Trần Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
153	Trần Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Y học	Dược học
154	Trần Trịnh Công		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
155	Trần Trọng Biên		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
156	Trần Văn Ơn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
157	Trịnh Thị Thanh Xuân		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Dược học
158	Trịnh Trung Hiếu		Thạc sĩ	Dược học	Dược học